

Số: 160/QĐ-THCSTY

Thanh yên, ngày 15 tháng 09 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/09/2025 của Chính phủ từ tháng 9-12/2026**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THANH YÊN**

*Căn cứ Điều 11, điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;*

*Căn cứ Nghị định số 238/2021/NĐ-CP, ngày 03 tháng 9 năm 2025, của Chính Phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực Giáo dục, Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-UBND, ngày 13/8/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên, áp dụng từ năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo trên địa bàn tỉnh Điện Biên;*

*Căn cứ Kế hoạch số:232/KH-THCSTY ngày 03/09/2026 của trường THCS Thanh Yên về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026- 2027;*

*Căn cứ biên bản của Hội đồng xét duyệt chế độ học sinh 4 tháng cuối năm 2026 của trường THCS Thanh Yên và đề nghị của Bộ phận Kế toán;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/9/2025 của Chính phủ từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2026, cụ thể như sau:

#### **Hỗ trợ chi phí học tập**

Tổng số học sinh: 400 học sinh ( Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Giao bộ phận kế toán lập như cầu, báo cáo UBND xã Thanh Yên và phòng Kinh tế xã Thanh Yên và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước khi được cấp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cán bộ quản lý, giáo viên, kế toán và các học sinh được hưởng chế độ có tên ghi tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- UBND xã Thanh Yên;
- KBNN khu vực X;
- Phòng Kinh tế;
- CBGVNV và HS;
- Lưu: KT; VT;

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Hồng**



**LIỆT DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 238/2025 /NĐ - CP NGÀY 03/9/2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 09 ĐẾN HẾT THÁNG 12 NĂM 2026**

( Kèm theo QĐ số: 160/QĐ-THCSTY ngày 15/09//2026 của Trường THCS Thanh Yên )

| STT | Họ và tên học sinh    | Năm sinh |      | Lớp | Dân tộc | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Hộ khẩu thường trú | Đối Tượng được hưởng | Định mức hỗ trợ | Số tháng | Kinh phí hỗ trợ (Đồng) | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------|----------|------|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|-----------------|----------|------------------------|---------|
|     |                       | Nam      | Nữ   |     |         |                                                                                  |                    |                      |                 |          |                        |         |
| 1   | Hoàng Bảo An          | 2012     |      | 9D1 | Tày     | Vì Thị Hoa                                                                       | Bản Phượn          | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 2   | Lò Thị Phương Anh     |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Lò Thị Them                                                                      | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 3   | Lường Đức Công        | 2012     |      | 9D1 | Thái    | Lò Thị Hạnh                                                                      | Bản Phượn          | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 4   | Lường Thị Ngọc Diệp   |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Lò Thị Tâm                                                                       | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 5   | Lò Thị Hương Giang    |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Lò Thị Hoa                                                                       | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 6   | Lò Thị Bảo Hân        |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Lò Văn Học                                                                       | Bản Phượn          | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 7   | Quảng Thị Hạnh        |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Quảng Thị Xiên                                                                   | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 8   | Lò Thị Ngọc Hoa       |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Lò Thị Minh                                                                      | Bản Phượn          | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 9   | Lường Huy Hoàng       | 2012     |      | 9D1 | Thái    | Lường Văn Phuong                                                                 | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 10  | Lò Văn Bảo Hưng       | 2012     |      | 9D1 | Thái    | Lò Văn Tuấn                                                                      | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 11  | Lò Việt Kiều          | 2012     |      | 9D1 | Thái    | Lò Văn Hộ                                                                        | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 12  | Lò Thị Hồng Thơm      |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Vì Thị Hằng                                                                      | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 13  | Lò Thủy Linh          |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Vì Thị Thơm                                                                      | Bản Phượn          | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 14  | Nguyễn Hoàng Anh Vũ   | 2012     |      | 9D1 | Thổ     | Hoàng Thị Mai                                                                    | Bản Phượn          | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 15  | Vì Thị Ngọc Oanh      |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Quảng Thị Thu                                                                    | Bản Phượn          | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 16  | Nguyễn Thị Bảo Thi    |          | 2012 | 9D1 | Kinh    | Lê Thị Hương                                                                     | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 17  | Nguyễn Trọng Gia Bảo  | 2012     |      | 9D1 | Kinh    | Hoàng Thị Hà                                                                     | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 18  | Nguyễn Thị Hải Vân    |          | 2012 | 9D1 | Kinh    | Nguyễn Đình Thành                                                                | Bản Tiến Thanh     | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 19  | Lê Công Sử            | 2012     |      | 9D1 | Kinh    | Lương Thị Tiệm                                                                   | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 20  | Thái Thị Hoa Ban      |          | 2012 | 9D1 | Kinh    | Nguyễn Thị Toan                                                                  | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 21  | Nguyễn Ngọc Anh       |          | 2012 | 9D1 | Kinh    | Ngô Thị Thắm                                                                     | Bản Tiến Thanh     | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 22  | Lò Nam Hưng           | 2012     |      | 9D1 | Thái    | Lò Văn Tuấn                                                                      | Bản Pa Bói         | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 23  | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt |          | 2011 | 9D1 | Kinh    | Đỗ Thị Huế                                                                       | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 24  | Phạm Bùi Phương Nhi   |          | 2012 | 9D1 | Kinh    | Phạm Văn Cường                                                                   | Bản Pa Bói         | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 25  | Lò Thị Hồng Linh      |          | 2012 | 9D1 | Thái    | Lò Thị Ngọc                                                                      | Bản Nà Ngum        | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 26  | Vũ Linh Nhi           |          | 2012 | 9D1 | Kinh    | Lò Thị Thoai                                                                     | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |
| 27  | Đoàn Minh Quốc        | 2012     |      | 9D1 | Kinh    | Tạ Thị Năm                                                                       | Bản Chiềng Đông    | Xã khu vực III       | 150.000         | 4        | 600.000                |         |

|    |                      |      |      |     |      |                  |               |                |         |   |         |  |
|----|----------------------|------|------|-----|------|------------------|---------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 28 | Cà Mạnh Phương       | 2012 |      | 9D1 | Thái | Quảng Thị Duyên  | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 29 | Ngô Gia Bảo          | 2012 |      | 9D2 | Kinh | Ngô Văn Lập      | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 30 | Phạm Văn Bảo         | 2012 |      | 9D2 | Kinh | Lê Thị Hà        | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 31 | Lò Thị Ân Di         |      | 2012 | 9D2 | Thái | Lò Thị Lưu       | Bản Noong Vai | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 32 | Lò Nguyễn Ngọc Diệp  |      | 2012 | 9D2 | Thái | Nguyễn Thị Dương | Bản Noong Vai | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 33 | Lường Văn Doãn       | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lường Văn Thông  | Bản Pa Bói,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 34 | Trần Hương Giang     |      | 2012 | 9D2 | Kinh | Đỗ Thị Bình      | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 35 | Lò Văn Xuân Hà       | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lò Văn Diện      | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 36 | Quảng Linh Hà        |      | 2012 | 9D2 | Thái | Quảng Văn Tính   | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 37 | Lò Hồng Ngọc Hân     |      | 2012 | 9D2 | Thái | Vì Thị Hà        | Bản Phượn     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 38 | Lò Thị Thuý Hoa      |      | 2012 | 9D2 | Thái | Lò Thị Nội       | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 39 | Quảng Mạnh Hùng      | 2012 |      | 9D2 | Thái | Quảng Văn Luyến  | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 40 | Quảng Văn Hưng       | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lò Thị Hà        | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 41 | Đinh Hà Diệu Hương   |      | 2012 | 9D2 | Kinh | Đinh Văn Hưng    | Thôn Việt Yên | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 42 | Lò Đình Khoa         | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lò Thị Ngoan     | Bản Phượn     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 43 | Lò Anh Kiệt          | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lò Thị Tiên      | Bản Phượn     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 44 | Tòng Việt Long       | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lò Thị Biên      | Bản Nà Ngum   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 45 | Vì Bảo Long          | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lò Thị Thinh     | Bản Nà Ngum   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 46 | Nguyễn Trọng Hải Nam | 2012 |      | 9D2 | Kinh | Nguyễn Thị Thu   | Thôn Việt Yên | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 47 | Lò Thị Bảo Ngân      |      | 2012 | 9D2 | Thái | Lò Thị Tiên      | Bản Nà Ngum   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 48 | Lò Quỳnh Như         |      | 2012 | 9D2 | Thái | Vì Thị Hoan      | Bản Noong Vai | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 49 | Lò Thị Kim Oanh      |      | 2012 | 9D2 | Thái | Lường Thị Piếng  | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 50 | Lò Kim Phụng         |      | 2012 | 9D2 | Thái | Vì Thị Tinh      | Bản Nà Ngum   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 51 | Lù Anh Thắng         | 2012 |      | 9D2 | Thái | Lò Thị Chung     | Bản Phượn     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 52 | Lò Thị Hoài Thu      |      | 2012 | 9D2 | Thái | Lò Thị Định      | Bản Nà Ngum   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 53 | Trần Anh Thư         |      | 2012 | 9D2 | Kinh | Nguyễn Thị Hải   | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 54 | Nguyễn Thị Thu Trà   |      | 2012 | 9D2 | Thổ  | Nguyễn Văn Huân  | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 55 | Vì Ánh Tuyết         |      | 2012 | 9D2 | Thái | Quảng Thị Dương  | Bản Nà Ngum   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 56 | Lường Thị Tổ Uyên    |      | 2012 | 9D2 | Thái | Quảng Thị Hoa    | Bản Pa Bói    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 57 | Lò Thị Hà Vy         |      | 2012 | 9D2 | Thái | Lường Thị Toan   | Bản Phượn     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 58 | Lò Thị Hải Yên       |      | 2012 | 9D2 | Thái | Lò Thị Miến      | Bản Nà Ngum   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 59 | Nguyễn Bảo Yên       |      | 2012 | 9D2 | Thổ  | Lò Thị Thân      | Bản Phượn     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 60 | Lò Hoàng Anh         | 2012 |      | 9D3 | Thái | Lò Văn Tâm       | Bản Noong vai | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 61 | Nguyễn Thế Bảo       | 2012 |      | 9D3 | Kinh | Nguyễn Mạnh Dũng | Thôn Việt Yên | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 62 | Lê Ngọc Minh Châu    |      | 2012 | 9D3 | Kinh | Lê Thị Tuyền     | Bản Noong vai | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 63 | Đỗ Linh Chi          |      | 2012 | 9D3 | Kinh | Cà Thị Phong     | Thôn Việt Yên | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|    |                             |      |      |     |      |                       |                 |                |         |   |         |  |
|----|-----------------------------|------|------|-----|------|-----------------------|-----------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 64 | Lò Anh Dương                |      | 2012 | 9D3 | Thái | Lò Văn Kim            | Bản Phượn       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 65 | Quảng Hải Đăng              | 2012 |      | 9D3 | Thái | Quảng Văn Miên        | Bản Noong vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 66 | Nguyễn Diễm Hằng            |      | 2012 | 9D3 | Tây  | Lường Thị Lan         | Bản Phượn       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 67 | Nguyễn Xuân Hòa             | 2012 |      | 9D3 | Kinh | Hoàng Thị Duyên       | Thôn Việt Yên   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 68 | Nguyễn Huy                  | 2012 |      | 9D3 | Kinh | Tạ Thanh Hằng         | Bản Chiềng Tông | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 69 | Nguyễn Văn Huy              | 2012 |      | 9D3 | Kinh | Nguyễn Văn Hải        | Thôn Yên Trường | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 70 | Nguyễn Thị Huyền            |      | 2012 | 9D3 | Kinh | Đinh Thị Hồng         | Bản Chiềng Tông | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 71 | Quảng Văn Hưng              | 2012 |      | 9D3 | Thái | Lò Thị Biên           | Bản Nà Ngum     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 72 | Phạm Hoàng gia Khiêm        | 2012 |      | 9D3 | Thái | Hoàng Thị Thương Thảo | Bản Tiến Thanh  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 73 | Lò Thị Mai                  |      | 2012 | 9D3 | Thái | Lò Văn Hòa            | Bản Pa Bói      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 74 | Vì Thị Ngọc Mai             |      | 2012 | 9D3 | Thái | Lò Thị Thủy           | Bản Phượn       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 75 | Quảng Bảo Nam               | 2012 |      | 9D3 | Thái | Quảng Văn Lan         | Bản Nà Ngum     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 76 | Lê Hồng Ngọc                |      | 2012 | 9D3 | Thái | Lò Thị Định           | Bản Noong vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 77 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc         |      | 2012 | 9D3 | Thái | Nguyễn Dươn Năm       | Bản Phượn       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 78 | Quảng Thị Bích Ngọc         |      | 2012 | 9D3 | Thái | Quảng Văn Hoàn        | Bản Noong vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 79 | Lường Vi Bảo Ngọc Phúc Ngọc |      | 2012 | 9D3 | Thái | Vì Thị Lan            | Bản Nà Ngum     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 80 | Trần Tấn Tài                | 2012 |      | 9D3 | Kinh | Phạm Thị Phương       | Bản Pa Bói      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 81 | Phạm Hồng Thái              | 2012 |      | 9D3 | Kinh | Đoàn Minh Giang       | Thôn Việt Yên   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 82 | Nông Thị Bích Thủy          |      | 2012 | 9D3 | Nùng | Nông Văn Đời          | Bản Pa Bói      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 83 | Tông Thị Anh Thư            |      | 2012 | 9D3 | Thái | Tông Thị Vui          | Bản Nà Ngum     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 84 | Lò Thu Trang                |      | 2012 | 9D3 | Thái | Lò Văn Đại            | Bản Pa Bói      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 85 | Lường Việt Trung            | 2012 |      | 9D3 | Thái | Lường Thị Thành       | Bản Noong vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 86 | Vì Anh Tuấn                 | 2012 |      | 9D3 | Thái | Lò Thị Xóm            | Bản Pa Bói      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 87 | Lò Thị Hà Vy                |      | 2012 | 9D3 | Thái | Lò Thị Diên           | Bản Noong vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 88 | Hoàng Hồng Thi              |      | 2012 | 9D3 | Thái | Hoàng Xuân Trường     | Bản Phượn       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 89 | Đinh Thái Hoàng             | 2012 |      | 9D3 | Thái | Lò Thị Hà Thu         | Bản Nậm Ngám    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 90 | Trần Ngọc Ánh               |      | 2012 | 9D4 | Kinh | Trần Văn Hoạt         | Thôn Yên Trường | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 91 | Lò Khánh Duy                | 2012 |      | 9D4 | Thái | Lò Văn Phương         | Bản Phượn       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 92 | Phạm Huy Hoàng              | 2012 |      | 9D4 | Kinh | Phạm Văn Hùng         | Bản Yên Trường  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 93 | Quảng Thị Khánh Huyền       |      | 2012 | 9D4 | Thái | Lò Thị Thu            | Bản Tiến Thanh  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 94 | Quảng Bảo Khang             | 2012 |      | 9D4 | Thái | Lường Thị Hoa         | Bản Noong Vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 95 | Lò Hải Lâm                  | 2012 |      | 9D4 | Thái | Lò Văn Dũng           | Bản Noong Vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 96 | Đỗ Thị Diệu Linh            |      | 2012 | 9D4 | Kinh | Đỗ Văn Nam            | Bản Tiến Thanh  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 97 | Ngô Phương Linh             |      | 2012 | 9D4 | Kinh | Ngô Xuân Cường        | Thôn Yên Trường | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 98 | Nguyễn Nhật Linh            |      | 2012 | 9D4 | Kinh | Nguyễn Trọng Duẩn     | Thôn Yên Trường | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 99 | Vương Khánh Linh            |      | 2012 | 9D4 | Tây  | Quách Thị Việt Hằng   | Thôn Yên Trường | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                       |      |      |     |       |                   |                       |                |         |   |         |  |
|-----|-----------------------|------|------|-----|-------|-------------------|-----------------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 100 | Quảng Thị Khánh Ly    |      | 2012 | 9D4 | Thái  | Lương Thị Loan    | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 101 | Vũ Quang Minh         | 2012 |      | 9D4 | Kinh  | Vũ Minh Tuyền     | Thôn Yên Trường       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 102 | Nguyễn Đào Nhật Nam   | 2012 |      | 9D4 | Kinh  | Đào Thị Ngoan     | Thôn Tam Vạn, Sam Mứn | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 103 | Nguyễn Thị Nguyệt     |      | 2012 | 9D4 | Kinh  | Lê Thị Liên       | Bản Tiến Thanh        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 104 | Phạm Hoàng Nhân       | 2012 |      | 9D4 | Kinh  | Hoàng Thị Lan Anh | Bản Pa Bói            | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 105 | Đinh Gia Nhi          |      | 2012 | 9D4 | Kinh  | Đinh Tiến Thành   | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 106 | Đỗ Thị Yến Nhi        |      | 2012 | 9D4 | Kinh  | Đỗ Văn Chiêu      | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 107 | Trần Yến Nhi          |      | 2012 | 9D4 | Kinh  | Trần Thị Dương    | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 108 | Lò Thị Tâm Như        |      | 2012 | 9D4 | Thái  | Lò Văn Đồi        | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 109 | Lò Nhã Phong          | 2012 |      | 9D4 | Thái  | Lò Văn Phan       | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 110 | Nguyễn Thị Hà Phương  |      | 2012 | 9D4 | Kinh  | Hà Thị Lâm        | Bản Tiến Thanh        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 111 | Trần Duy Thái         | 2012 |      | 9D4 | Kinh  | Trần Văn Dương    | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 112 | Nguyễn Phương Thảo    |      | 2012 | 9D4 | Kinh  | Phạm Thị Thúy     | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 113 | Bùi Thùy Trang        |      | 2012 | 9D4 | Mường | Nguyễn Thị Hương  | Thôn Yên Trường       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 114 | Nguyễn Thị Bảo Trang  |      | 2012 | 9D4 | Thái  | Cà Thị Thủy       | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 115 | Lò Bảo Trân           |      | 2012 | 9D4 | Thái  | Đinh Thị Nga      | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 116 | Lò Thị Thanh Trúc     |      | 2012 | 9D4 | Thái  | Lò Thị Tiết       | Bản Nà Ngum           | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 117 | Lò Anh Trường         | 2012 |      | 9D4 | Thái  | Lò Thị Hải        | Bản Nà Ngum           | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 118 | Quảng Mạnh Trường     | 2012 |      | 9D4 | Thái  | Quảng Văn Quân    | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 119 | Đinh Mạnh Tường       | 2012 |      | 9D4 | Kinh  | Đinh Xuân Đông    | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 120 | Lò Thị Thảo Uyên      |      | 2012 | 9D4 | Thái  | Lù Thị Thanh      | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 121 | Đinh Trọng Việt       | 2012 |      | 9D4 | Nùng  | Hoàng Thị Thúy    | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 122 | Vì Thị Phương Vy      |      | 2012 | 9D4 | Thái  | Lò Thị Ngọc Lan   | Bản Nà Ngum           | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 123 | Bùi Duy Quyền Anh     | 2013 |      | 8C1 | Kinh  | Trần Thị Liên     | Thôn Yên Trường       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 124 | Nguyễn Thị Phương Anh |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Nguyễn Thị Hạnh   | Bản Chiềng Đông       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 125 | Lò Gia Bảo            | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lò Thị Pộm        | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 126 | Quản Hoàng Gia Bảo    | 2013 |      | 8C1 | Kinh  | Hoàng Thị Thu     | Thôn Yên Trường       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 127 | Vì Thị Ngọc Bích      |      | 2013 | 8C1 | Thái  | Bạc Thị Bình      | Nà Ngum               | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 128 | Tô Bảo Hân            |      | 2013 | 8C1 | Thái  | Cà Thị Thoa       | Bản Suối Lư           | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 129 | Lò Bảo Hiệp           | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lò Thị Mai        | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 130 | Phạm Minh Hiếu        | 2013 |      | 8C1 | Kinh  | Quản Thị Minh     | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 131 | Quảng Việt Hoàng      | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lương Thị Thanh   | Bản Phượn             | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 132 | Vì Gia Huy            | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lò Thị Chinh      | Bản Noong Vai         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 133 | Lò Bảo Lâm            | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Vì Văn Phương     | Bản Nà Ngum           | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 134 | Nguyễn Tường Linh     |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Nguyễn Thị Hôi    | Thôn Việt Yên         | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 135 | Hoàng Thị Thúy Nga    |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Hoàng Tuấn Anh    | Bản Pa Bói            | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                        |      |      |     |       |                       |                                              |                       |         |   |         |  |
|-----|------------------------|------|------|-----|-------|-----------------------|----------------------------------------------|-----------------------|---------|---|---------|--|
| 136 | Phạm Thị Ngọc          |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Phạm Văn Hưng         | Thôn Việt Yên                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 137 | Tổng Văn Nguyên        | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Tổng Văn Thúc         | Bản Noong Vai                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 138 | Trần Thảo Nhi          |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Trần Thị Luyến        | Thôn Việt Yên                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 139 | Trần Thị Anh Ninh      |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Nguyễn Thị Huyền      | Bản Chiềng Đông                              | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 140 | Phạm Đức Quân          | 2012 |      | 8C1 | Kinh  | Lê Thị Định           | Bản Noong Vai                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 141 | Lê Anh Quyền           | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lù Thị Lã             | Bản Pượn                                     | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 142 | Lương Thị Ngọc Quỳnh   |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Nguyễn Thị Lan Phương | Thôn Yên Trường                              | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 143 | Quảng Thị Phương Thảo  |      | 2013 | 8C1 | Thái  | Quảng Văn Lâm         | Bản Chiềng Đông                              | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 144 | Quản Anh Thư           |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Quản Bá Tới           | Bản Noong Vai                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 145 | Nguyễn Bảo Khánh Trang |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Nguyễn Văn Hồng       | Bản Noong Vai                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 146 | Lò Văn Tú              | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lò Văn Tâm            | Bản Pượn                                     | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 147 | Hà Mạnh Tùng           | 2013 |      | 8C1 | Mường | Nguyễn Thị Tuyền      | Bản Pa Bói                                   | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 148 | Hà Thanh Tùng          | 2013 |      | 8C1 | Kinh  | Nguyễn Thị Nguyên     | Thôn Việt Yên                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 149 | Quảng Thị Tổ Uyên      |      | 2013 | 8C1 | Thái  | Lường Thị Hải         | Bản Chiềng Đông                              | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 150 | Nguyễn Tường Vy        |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Trần Thị Lánh         | Bản Chiềng Đông                              | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 151 | Hà Nguyễn Vy Anh       |      | 2013 | 8C1 | Thái  | Nguyễn Thị Huệ        | Bản Chiềng Đông                              | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 152 | Lê Minh Anh            |      | 2013 | 8C1 | Kinh  | Nguyễn Thị Thu        | Bản Noong Vai                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 153 | Nguyễn Thị Thủy Chi    |      | 2013 | 8C1 | Nùng  | Lò Thị Thoa           | Bản Pa Bói                                   | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 154 | Lò Văn Đại             | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lò Văn Tinh           | Bản Pượn                                     | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 155 | Đỗ Gia Huy             | 2013 |      | 8C1 | Kinh  | Trần Minh Phương      | Thôn Việt Yên                                | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 156 | Khoảng Tuấn Hưng       | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lò Thị Xoa            | Bản Chiềng Đông                              | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 157 | Lò Thị Diệp Lan        |      | 2013 | 8C1 | Thái  | Lò Thị Oí             | Bản Nà Ngum                                  | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 158 | Hoàng Minh Quân        | 2013 |      | 8C1 | Nùng  | Lù Thị Vân            | Bản Pa Bói                                   | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 159 | Lò Thị Toàn            |      | 2013 | 8C1 | Thái  | Vì Thị Yên            | Bản Pượn                                     | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 160 | Vì Thế Tường           | 2013 |      | 8C1 | Thái  | Lò Thị Song           | Bản Pượn                                     | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 161 | Nguyễn Gia Bảo         | 2013 |      | 8C1 | Kinh  | Phạm Thị Thu Hằng     | Bản Tiến Thanh                               | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 162 | Quảng Thị Hồng Anh     |      | 2013 | 8C2 | Thái  | Lò Thị Pơm            | Bản Nà Ngum                                  | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 163 | Trần Gia Bảo           | 2013 |      | 8C2 | Thái  | Trần Quốc Toàn        | Bản Pa Pói.                                  | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 164 | Bùi Văn Cường          | 2013 |      | 8C2 | Kinh  | Lò Thị Hiền           | Thôn A2                                      | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 165 | Lò Thị Minh Châu       |      | 2013 | 8C2 | Thái  | Lò Thị Út             | Bản Pa Bói                                   | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 166 | Dương Thành Đạt        | 2013 |      | 8C2 | Kinh  | Dương Văn Toàn        | Thôn Việt Yên.                               | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 167 | Lò Duy Đạt             | 2013 |      | 8C2 | Thái  | Quảng Thị Dương       | Bản Chiềng Tông.                             | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 168 | Quảng Thị Yến Chi      |      | 2013 | 8C2 | Thái  | Lò Thị Thu            | Bản Nậm Hẹ II - xã Nủa Ngum - tỉnh Điện Biên | Xã khu vực III + ND66 | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 169 | Lò Thị Quỳnh Giang     |      | 2013 | 8C2 | Thái  | Lò Thị Nguyên         | Bản Chiềng Tông.                             | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 170 | Lê Thị Thủy Dương      |      | 2013 | 8C2 | Kinh  | Hà Thị Hương          | Bản Chiềng Tông.                             | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 171 | Quảng Thái Hưng        | 2013 |      | 8C2 | Thái  | Tông Thị Long         | Bản Pa Bói                                   | Xã khu vực III        | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                       |      |      |     |      |                       |                  |                |         |   |         |  |
|-----|-----------------------|------|------|-----|------|-----------------------|------------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 172 | Lò Đức Khai           | 2013 |      | 8C2 | Thái | Lò Thị Thoạn          | Bản Chiềng Tông. | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 173 | Đặng Nguyên Khang     | 2012 |      | 8C2 | Kinh | Đoàn Thị Hằng         | Thôn Đại Thành.  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 174 | Vì Nhật Minh          | 2013 |      | 8C2 | Thái | Tòng Thị Lan          | Bản Nà Ngum.     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 175 | Trần Văn Nam          | 2013 |      | 8C2 | Thái | Lò Thị Piếng          | Bản Pa Bói       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 176 | Hoàng Trung Nghĩa     | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Phạm Thị Tám          | Thôn Việt Yên.   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 177 | Hoàng Khánh Nhật      | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Phạm Thuý Dương       | Thôn Yên Trường  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 178 | Tòng Ngọc Quân        | 2013 |      | 8C2 | Thái | Cà Thị Hoàn           | Bản Tiến Thanh.  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 179 | Nguyễn Khánh Hưng     | 2013 |      | 8C2 | Thổ  | Lò Thị Phương         | Bản Phượn        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 180 | Cà Duy Khánh          | 2012 |      | 8C2 | Thái | Vì Thị Ý              | Bản Noong Vai    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 181 | Đàm Minh Quý          | 2013 |      | 8C2 | Nùng | Nông Thị Bích Hợp     | Bản pa pói       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 182 | Lò Ngọc Hương         | 2013 |      | 8C2 | Thái | Tòng Thị Hóa          | Bản Pa pói       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 183 | Đào Thị Thanh Tâm     |      | 2013 | 8C2 | Kinh | Nguyễn Thị Thuý       | Thôn Việt Yên.   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 184 | Nguyễn Minh Khang     | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Phạm Thị Tâm          | Bản Tiến Thanh   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 185 | Lò Hải Thi            | 2013 |      | 8C2 | Thái | Lò Văn Quân           | Bản Noong Vai.   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 186 | Lê Ngọc Khuê          |      | 2013 | 8C2 | Kinh | Lê Văn Tiến           | Thôn Yên Trường  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 187 | Đinh Thị Thanh Thuý   |      | 2013 | 8C2 | Kinh | Nguyễn Thị An         | Thôn Việt Yên.   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 188 | Phạm Thị Anh Thư      |      | 2013 | 8C2 | Kinh | Bùi Thị Tuyết         | Bản pa pói.      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 189 | Lò Thị Bảo Thy        |      | 2013 | 8C2 | Thái | Lò Thị Hoa            | Bản Nà Ngum.     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 190 | Nguyễn Xuân Trường    | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Nguyễn Văn Bình       | Thôn Yên Trường. | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 191 | Trần Anh Tuấn         | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Phạm Thị Hà           | Thôn Yên Trường. | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 192 | Quảng Duy Tùng        | 2013 |      | 8C2 | Thái | Tòng Thị Tống         | Bản Phượn.       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 193 | Phạm Huy Tuyên        | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Lê Thị Khuyến         | Bản pa pói.      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 194 | Đỗ Hoàng Phương Uyên  |      | 2013 | 8C2 | Kinh | Hoàng Thị Phương Thuý | Thôn Yên Trường. | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 195 | Nguyễn Thị Thùy Trang |      | 2013 | 8C2 | Kinh | Nguyễn Văn Hùng       | Bản Chiềng Tông  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 196 | Đinh Hiền Vinh        | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Nguyễn Thị Thoa       | Thôn Việt Yên    | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 197 | Đào Triệu vũ          | 2013 |      | 8C2 | Kinh | Đào Xuân Hải          | Thôn Việt Yên.   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 198 | Lò Mạnh Tùng          | 2013 |      | 8C2 | Thái | Lò Thị Thủy           | Bản Tiến Thanh   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 199 | Quảng Thị Thảo Vy     |      | 2013 | 8C2 | Thái | Quảng Thị Thắm        | Bản Pa Bói.      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 200 | Lương Thị Tiểu Uyên   |      | 2013 | 8C2 | Thái | Lương Thị Thu         | Bản Phượn.       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 201 | Lù Bảo An             | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lù Văn Quyết          | Bản Phượn        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 202 | Bùi Châu Anh          |      | 2014 | 7B1 | Thái | Vì Thị Nó             | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 203 | Nguyễn Thái Bảo       | 2014 |      | 7B1 | Kinh | Nguyễn Văn Thương     | Bản Pa Bói       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 204 | Phạm Đình Gia Bảo     | 2014 |      | 7B1 | Kinh | Lò Thị Thủy           | Bản Chiềng Tông, | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 205 | Lò Thị Quế Chi        |      | 2014 | 7B1 | Thái | Chu Thị Tế            | Bản Pa Bói       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 206 | Đặng Quốc Khánh       | 2014 |      | 7B1 | Kinh | Phạm Thị Hồng Nga     | Bản Tiến Thanh   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 207 | Lò Hoàng Dy           | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lò Văn Ảnh            | Bản Chiềng Tông, | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                      |      |      |     |      |                      |                  |                |         |   |         |  |
|-----|----------------------|------|------|-----|------|----------------------|------------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 208 | Quảng Thị Bảo Hân    |      | 2014 | 7B1 | Thái | Lò Thị Phan          | Bản Pa Bói       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 209 | Lò Mạnh Hoàng        | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lương Thị Dậu        | Bản Noong Vai,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 210 | Bích Huệ             |      | 2014 | 7B1 | Thái | Cà Thị Tuyết         | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 211 | Quảng Văn Hưng       | 2014 |      | 7B1 | Thái | Quảng Văn Chiêng     | Bản Phượn        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 212 | Bà Khanh             | 2014 |      | 7B1 | Thái | Cà Thị Hạnh          | Bản Chiêng Tông, | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 213 | Quảng Anh Kiệt       | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lò Thị Thủy          | Bản Noong Vai,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 214 | Lò Thị Diệu Linh     |      | 2014 | 7B1 | Thái | Vì Thị Diên          | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 215 | Trần Thủy Linh       |      | 2014 | 7B1 | Kinh | Trần Thị Oanh        | Bản Pa Bói       | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 216 | Nguyễn Bảo Minh      | 2014 |      | 7B1 | Thái | Cà Thị Thủy          | Thôn Việt Yên,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 217 | Ngô Gia Bảo          | 2014 |      | 7B1 | Thái | Đinh Thị Hồng Phượng | Thôn Việt Yên,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 218 | Vũ Bảo Ngọc          |      | 2014 | 7B1 | Kinh | Mai Thị Ngân         | Thôn Yên Trường, | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 219 | Lò Bảo Nguyên        | 2014 |      | 7B1 | Thái | Vì Thị Thanh         | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 220 | Lò Hoàng Phúc        | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lò Thị Tiết          | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 221 | Hoàng Anh Quân       | 2014 |      | 7B1 | Tây  | Hoàng Thị Thương     | Bản Phượn        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 222 | Lò Hoàng Bảo Quân    | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lò Văn Dương         | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 223 | Lò Duy Thái          | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lèo Thị Châu         | Thôn Tiến Thanh  | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 224 | Đoàn Thị Thanh Thảo  |      | 2014 | 7B1 | Kinh | Quảng Thị Hương      | Bản Chiêng Tông, | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 225 | Lò Văn Tiến          | 2013 |      | 7B1 | Thái | Vì Thị Hương         | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 226 | Lò Bảo Trâm          |      | 2014 | 7B1 | Thái | Lò Thị Mai           | Bản Phượn        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 227 | Lò Thùy Trâm         |      | 2014 | 7B1 | Thái | Lò Văn Phóng         | Bản Noong Vai,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 228 | Lò Anh Tú            | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lò Thị Tuyết         | Bản Phượn        | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 229 | Lò Thị Thanh Vân     |      | 2014 | 7B1 | Thái | Lò Văn Thủy          | Bản Nà Ngum,     | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 230 | Lương Thị Thúy Vân   |      | 2014 | 7B1 | Thái | Cà Thị Bình          | Bản Noong Vai,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 231 | Lò Anh Vũ            | 2014 |      | 7B1 | Thái | Lò Văn Bình          | Bản Noong Vai,   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 232 | Tòng Nguyễn Diệu Anh |      | 2015 | 7B2 | Thái | Nguyễn Thị Yến       | Bản Phượn        | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 233 | Nguyễn Thái Bảo      | 2015 |      | 7B2 | Kinh | Hoàng Thị Dung       | Bản Tiến Thanh   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 234 | Trần Đoàn Thái Bảo   | 2015 |      | 7B2 | Kinh | Trần Văn Nguyên      | Thôn Việt Yên    | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 235 | Nguyễn T Minh Châu   |      | 2015 | 7B2 | Tây  | Nguyễn Văn Thịnh     | Thôn Yên Trường  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 236 | Lã Văn Đạt           | 2015 |      | 7B2 | Kinh | Trần Thị Thoan       | Thôn Yên Trường  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 237 | Phạm Hải Đăng        | 2015 |      | 7B2 | Tây  | Bé Thị Loan          | Thôn Yên Trường  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 238 | Lò Bảo Hoàng         | 2015 |      | 7B2 | Thái | Vì Thị Tinh          | Bản Nà Ngum      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 239 | Lò Thu Hoài          |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lò Văn Sử            | Bản Phượn        | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 240 | Lương T Thảo Huyền   |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lương Văn Thanh      | Bản Pa Bói       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 241 | Đinh Xuân Hưng       | 2015 |      | 7B2 | Kinh | Hoàng Thị Duyên      | Thôn Việt Yên    | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 242 | Đinh Quang Khải      | 2015 |      | 7B2 | Kinh | Đinh Thị Nguyệt      | Thôn Việt Yên    | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 243 | Phạm Quang Khải      | 2015 |      | 7B2 | Kinh | Phạm Văn Việt        | Bản Tiến Thanh   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                       |      |      |     |      |                     |                 |                |         |   |         |  |
|-----|-----------------------|------|------|-----|------|---------------------|-----------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 244 | Nông Nhật Khánh       | 2015 |      | 7B2 | Tây  | Nguyễn Quỳnh Nga    | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 245 | Lò Thị Tâm Lan        |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lò Văn Hùng         | Bản Nà Ngum     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 246 | Lò Thảo Ly            |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lò Thị Hồng         | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 247 | Hà Thị Tâm Lương      |      | 2015 | 7B2 | Kinh | Đặng Thị Huế        | Bản Pa Bói      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 248 | Lù Hải Nam            | 2015 |      | 7B2 | Thái | Lù Văn Chiến        | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 249 | Cà Việt Nhật          | 2015 |      | 7B2 | Thái | Vì Thị Kim          | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 250 | Lò Linh Nhi           |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lò Thị Hợp          | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 251 | Phạm Thị Nhi          |      | 2015 | 7B2 | Kinh | Phạm Văn Mạnh       | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 252 | Quảng Thị Nhung       |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lường Thị Thanh     | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 253 | Lường Hải Quân        | 2015 |      | 7B2 | Thái | Lò Thị Ngoan        | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 254 | Quảng Mạnh Quyết      | 2015 |      | 7B2 | Thái | Quảng Văn Cu        | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 255 | Cà Lò Như Quỳnh       |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lò Thị Hoa          | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 256 | Đỗ Xuân Sáng          | 2015 |      | 7B2 | Kinh | Đỗ Xuân Quang       | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 257 | Lay Văn Tuấn          | 2015 |      | 7B2 | Ê-đê | Lay Văn Tú          | Thôn Việt Yên   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 258 | Quảng Duy Thân        | 2015 |      | 7B2 | Thái | Quảng Thị Tâm       | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 259 | Lò Bảo Trâm           |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lò Thị Hạnh         | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 260 | Đặng Minh Triết       | 2015 |      | 7B2 | Kinh |                     | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 261 | Lường Văn Thuận       | 2015 |      | 7B2 | Thái | Quảng Thị Minh      | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 262 | Nguyễn Minh Ánh Vi    |      | 2015 | 7B2 | Kinh | Nguyễn Thị Huyền    | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 263 | Tòng Thảo Vy          |      | 2015 | 7B2 | Thái | Lò Thị Nội          | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 264 | Lò Hoàng Anh          | 2014 |      | 7B3 | Thái | Hoàng Thị Thu Huyền | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 265 | Thái Thị Kim Anh      |      | 2014 | 7B3 | Kinh | Nguyễn Thị Toan     | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 266 | Nguyễn Thanh Bình     | 2014 |      | 7B3 | Tây  | Vì Thị Thủy         | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 267 | Hứa Minh Doanh        | 2014 |      | 7B3 | Tây  | Lò Thị Lương        | Bản Nà Ngum     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 268 | Lò Chí Dũng           | 2014 |      | 7B3 | Thái | Lò Thị Mai          | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 269 | Lường Thị Ngọc Diệp   |      | 2014 | 7B3 | Thái | Lò Thị Xiên         | Bản Pa Bói      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 270 | Lò Thị Thanh Hà       |      | 2014 | 7B3 | Thái | Lò Văn Lan          | Bản Pa Bói      | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 271 | Nguyễn Đình Quang Huy | 2014 |      | 7B3 | Kinh | Nông Thị Mến        | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 272 | Trần Đăng Huy         | 2014 |      | 7B3 | Kinh | Trần Văn Hải        | Thôn Việt Yên   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 273 | Lý Thị Thu Hương      |      | 2014 | 7B3 | Thổ  | Lò Thị Định         | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 274 | Lò Minh Khang         | 2014 |      | 7B3 | Thái | Lò Văn Giót         | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 275 | Lò Hoàng Lâm          | 2014 |      | 7B3 | Thái | Lò Thị Vui          | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 276 | Vũ Tuệ Lâm            |      | 2014 | 7B3 | Kinh | Vũ Hùng Giang       | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 277 | Lù Thị Khánh Ly       |      | 2014 | 7B3 | Thái | Lù Văn Quỳnh        | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 278 | Lò Thị Trà My         |      | 2014 | 7B3 | Thái | Lò Văn Tiến         | Bản Pa Bói,     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 279 | Lo Thị Gia Na         |      | 2014 | 7B3 | Thái | Mạc Thị Cánh        | Bản Pa Bói,     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                       |      |      |     |      |                   |                 |                |         |   |         |  |
|-----|-----------------------|------|------|-----|------|-------------------|-----------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 280 | Nguyễn Phạm Long Nhật | 2014 |      | 7B3 | Kinh | Phạm Thị Thủy     | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 281 | Nguyễn Thị Yến Nhi    |      | 2014 | 7B3 | Nùng | Nguyễn Hữu Đức    | Thôn Việt Yên   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 282 | Nguyễn Thị Lan Phương |      | 2014 | 7B3 | Thái | Nguyễn Mạnh Tuấn  | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 283 | Đoàn Nguyễn Duy Quân  | 2014 |      | 7B3 | Kinh | Nguyễn Thị Phương | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 284 | Tổng Xuân Quý         | 2014 |      | 7B3 | Thái | Quảng Thị Hải     | Bản Nôm         | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 285 | Lê Thị Như Quỳnh      |      | 2014 | 7B3 | Kinh | Trần Thị Thương   | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 286 | Nguyễn Hoàng Quyên    |      | 2014 | 7B3 | Kinh | Hoàng Thị Hường   | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 287 | Quảng Duy Tâm         | 2014 |      | 7B3 | Thái | Quảng Thị Thích   | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 288 | Lò Quyết Thắng        | 2014 |      | 7B3 | Thái | Lò Văn Cương      | Na son ĐB Đông  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 289 | Nguyễn Thành Trung    | 2014 |      | 7B3 | Thái | Lò Thị Hoàng      | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 290 | Phạm Bảo Vy           |      | 2014 | 7B3 | Kinh | Nguyễn Thị Linh   | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 291 | Lương Đức Cường       | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lương Văn Biên    | Bản Nà Ngum     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 292 | Lò Thành Đạt          | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lò Thị Hiền       | Bản Nà Ngum     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 293 | Ngô Huỳnh Đức         | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lò Thị Khiên      | Bản Nà Ngum     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 294 | Lò Thị Thủy Dung      |      | 2015 | 6A1 | Thái | Lò Thị Mến        | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 295 | Lò Đức Duy            | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lò Thị Thủy       | Bản Pa Bói      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 296 | Nguyễn Trọng Duy      | 2015 |      | 6A1 | Kinh | Lê Thị Hương      | Thôn Thanh Hà   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 297 | Lò Bảo Nam            | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lương Thị Thịnh   | Bản Noong Vai   | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 298 | Lò Tuấn Huy           | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lò Thị Hoàn       | Bản Pa Bói      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 299 | Đặng Duy Khoa         | 2015 |      | 6A1 | Kinh | Nguyễn Nhật Lệ    | Thôn Hoàng Yên  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 300 | Lò Minh Khôi          | 2015 |      | 6A1 | Thái | Hoàng Thị Giang   | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 301 | Lò Văn Long           | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lò Văn Biên       | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 302 | Vũ Đức Mạnh           | 2015 |      | 6A1 | Kinh | Vũ Văn Tuấn       | Thôn Thanh Hà   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 303 | Lò Thảo My            |      | 2015 | 6A1 | Thái | Ngô Thị Thanh Mơ  | Thôn Hoàng Yên  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 304 | Lương T Quỳnh Nga     |      | 2015 | 6A1 | Thái | Lò Thị Phượn      | Bản Pa Bói      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 305 | Lương Vũ Thảo Như     |      | 2015 | 6A1 | Thái | Lương T Văn Anh   | Bản Pa Bói      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 306 | Lò Hạnh Phúc          | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lương Thị Thu     | Bản Hạ          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 307 | Cà Anh Quốc           | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lương Thị Hoa     | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 308 | Lương Văn Sáng        | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lò Thị Tiên       | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 309 | Lò Đức Tài            | 2015 |      | 6A1 | Thái | Cà Thị Uyển       | Bản Nà Ngum     | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 310 | Lò Thị Huyền Trân     |      | 2015 | 6A1 | Thái | Quảng Thị Hương   | Bản Pa Bói      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 311 | Lò Thanh Vân          |      | 2015 | 6A1 | Thái | Lò Văn Tuấn       | Bản Chiềng Tông | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 312 | Lương Đức Anh         | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lương Văn Đoàn    | Bản Hạ          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 313 | Lò Gia Bảo            | 2014 |      | 6A1 | Thái | Lò Văn Ớt         | Bản Phượn       | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 314 | Lê Thị Bảo Châm       |      | 2015 | 6A1 | Kinh | Hà Thị Hương      | Thôn Thanh Hà   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 315 | Lò Hoàng Bảo Châu     |      | 2015 | 6A1 | Thái | Lò Thị Hoa        | Bản Hạ          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                     |      |      |     |      |                  |                        |                |         |   |         |  |
|-----|---------------------|------|------|-----|------|------------------|------------------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 316 | Lò Thị Anh Đài      |      | 2015 | 6A1 | Thái | Lương Thị Piêng  | Thôn Tiến Thanh        | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 317 | Nguyễn Khánh Bảo An |      | 2015 | 6A1 | Kinh | Nguyễn Thị Vân   | Bản Pa Pháy            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 318 | Cà Thúy Diễm        |      | 2015 | 6A1 | Thái | Cà Văn Tâm       | Bản Pa Pháy            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 319 | Lò Khải Hoàn        | 2015 |      | 6A1 | Thái | Lò Thị Chung     | Bản Pa Pháy            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 320 | Lò Như Ngọc         |      | 2015 | 6A1 | Thái | Vì Thị Vân       | Bản Na Ngum            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 321 | Tòng Hoàng Anh      | 2015 |      | 6A1 | Thái | Quảng Thị Tâm    | Bản Na Ngum            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 322 | Phạm Đức Hạnh       | 2015 |      | 6A1 | Kinh | Phạm Văn Hường   | Bản Pa Pói             | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 323 | Nguyễn Huyền Thương |      | 2015 | 6A1 | Kinh | Nguyễn Thị Hà    | Thôn Việt Yên          | Xã khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 324 | Nguyễn Thu Anh      |      | 2015 | 6A1 | Kinh | Lò Thị Thăm      | Thôn Thanh Hà          | BĐBKK          | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 325 | Vì Khánh Ngọc       |      | 2015 | 6A1 | Thái | Lò Thị Hương     | Bản Na Ngum            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 326 | Nông Thảo Bình An   |      | 2015 | 6A2 | Nùng | Nông Quốc Hưng   | Bản Pa Bói             | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 327 | Lò Thị Hà Anh       |      | 2015 | 6A2 | Thái | Quảng Thị Thịnh  | Bản Noong Vai          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 328 | Lò Việt Anh         | 2015 |      | 6A2 | Thái | Lò Thị Tuyết     | Nà Ngum                | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 329 | Bùi Gia Bảo         | 2015 |      | 6A2 | Kinh | Nguyễn Thị Thắm  | Bản Tà Té B, xã Pu Nhi | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 330 | Lương Duy Bảo       | 2015 |      | 6A2 | Thái | Lương Thị Hương  | Bản Tiến Thanh         | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 331 | Phạm Gia Bảo        | 2015 |      | 6A2 | Kinh | Vì Thị Tươi      | Bản Pa Bói             | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 332 | Hoàng Bảo Châu      |      | 2015 | 6A2 | Thổ  | Cà Thị Ngọc      | Bản Pa Bói             | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 333 | Lù Ngọc Diễm        |      | 2015 | 6A2 | Thái | Lù Văn Thảo      | bản Noong Vai          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 334 | Trần Hải Đăng       | 2015 |      | 6A2 | Kinh | Vũ Thị Ngọc      | Thôn Việt Yên          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 335 | Lò Thị Thu Hà       |      | 2015 | 6A2 | Thái | Lò Văn Lã        | Bản Nà Ngum            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 336 | Quảng Việt Hà       | 2015 |      | 6A2 | Thái | Quảng Văn Chiêng | Bản Phượn              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 337 | Trần Gia Hân        |      | 2015 | 6A2 | Kinh | Phạm Thị Quế     | Bản Pa Pói             | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 338 | Lò Việt Hùng        | 2015 |      | 6A2 | Thái | Tòng Thị Cương   | Bản Phượn              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 339 | Lò Thị Thanh Huyền  |      | 2015 | 6A2 | Thái | Lò Thị Lã        | bản Phượn              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 340 | Trần Thị Ánh Huyền  |      | 2015 | 6A2 | Kinh | Trần Minh Hải    | Bản Chiêng Đông        | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 341 | Quảng Minh Khang    | 2015 |      | 6A2 | Thái | Lù Thị Cương     | Bản Noong Vai          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 342 | Lò Văn Cường Khôi   | 2015 |      | 6A2 | Thái | Lò Văn Tuất      | Bản Phượn              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 343 | Đỗ Xuân Lập         | 2015 |      | 6A2 | Kinh | Đỗ Xuân Quang    | Thôn Yên Trường        | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 344 | Triệu Sài Lập       | 2015 |      | 6A2 | Nùng | Vì Thị Hiền      | Pa Pói                 | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 345 | Nguyễn Hoàng Linh   |      | 2015 | 6A2 | Kinh | Ngô Thị Thắm     | Bản Tiến Thanh         | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 346 | Lò Thị Ngọc Mẫn     |      | 2015 | 6A2 | Thái | Quảng Thị Thu    | bản Noong Vai          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 347 | Vũ Trà My           |      | 2015 | 6A2 | Kinh | Lò Thị Thoại     | Chiêng Đông            | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 348 | Vì Thị Thanh Ngọc   |      | 2015 | 6A2 | Thái | Lương Văn Kiên   | Nà Ngum                | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 349 | Lò Bảo Nguyên       | 2015 |      | 6A2 | Thái | Lò Văn Thanh     | Bản Phượn              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 350 | Lương Thị Thảo Nhi  |      | 2015 | 6A2 | Thái | Lò Thị Châm      | Bản Pa Bói             | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 351 | Đào Thị Hồng Nhung  |      | 2015 | 6A2 | Kinh | Nguyễn Thị Thuý  | Thôn Việt Yên          | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|     |                    |      |      |     |        |                    |                             |                |         |   |         |  |
|-----|--------------------|------|------|-----|--------|--------------------|-----------------------------|----------------|---------|---|---------|--|
| 352 | Lò Thị Diễm Như    |      | 2015 | 6A2 | Thái   | Lò Thị Tiên        | Chiềng Đông                 | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 353 | Đào Trija Phong    | 2015 |      | 6A2 | Kinh   | Đàm Thị Thuý Lịch  | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 354 | Khải Phong         | 2015 |      | 6A2 | Thái   | Lò Thị Thêm        | Chiềng Đông                 | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 355 | Đức Quân           | 2015 |      | 6A2 | Thái   | Lò Thị Hạnh        | Bản Phượn                   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 356 | Quang Sơn          | 2015 |      | 6A2 | Kinh   | Vũ Quang Hường     | Bản Pa Bói                  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 357 | Lý Tuấn Tài        | 2015 |      | 6A2 | Tày    | Nông Thị Nuôi      | Pa Pỏi                      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 358 | Lò Huyền Trang     |      | 2015 | 6A2 | Thái   | Tòng Thị Duyên     | Bản Phượn                   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 359 | Lò Lương Tuyền     | 2015 |      | 6A2 | Thái   | Lương Thị Nờ       | Bản Pa Bói                  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 360 | Lò Thị Ngọc Uyên   |      | 2015 | 6A2 | Thái   | Lò Thị Lan         | Bản Phượn                   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 361 | Lò Đức Việt        | 2015 |      | 6A2 | Thái   | Lò Văn Sử          | Bản Phượn                   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 362 | Lò Quốc Việt       | 2015 |      | 6A2 | Thái   | Lò Văn Phúc        | Bản Phượn                   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 363 | Đặng Thị Hải Yến   |      | 2015 | 6A2 | Kinh   | Đoàn Thị Nhuận     | Chiềng Đông                 | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 364 | Tô Bảo An          |      | 2015 | 6A3 | Tày    | Bế Thị Trong       | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 365 | Hoàng Minh Anh     | 2015 |      | 6A3 | Kinh   | Phạm Thị Tâm       | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 366 | Trần Đào Quỳnh Chi |      | 2015 | 6A3 | Kinh   | Đào Thị Thủy Anh   | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 367 | Nguyễn Hải Đăng    | 2015 |      | 6A3 | Nùng   | Nguyễn Văn Thi     | Bản Sen Thượng, xã Sín Thầu | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 368 | Quảng Tiến Đạt     | 2015 |      | 6A3 | Thái   | Lò Thị Chăn        | Bản Tiến Thanh              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 369 | Nguyễn Minh Đức    | 2015 |      | 6A3 | Nùng   | Lù Thị Thoi        | Bản Nà Ngum                 | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 370 | Đinh Tiến Dũng     | 2015 |      | 6A3 | Kinh   | Đinh Văn Chiến     | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 371 | Lường Việt Hoàn    | 2015 |      | 6A3 | Thái   | Lường Văn Thanh    | Bản Pa Bói                  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 372 | Lù Duy Hoàng       | 2015 |      | 6A3 | Thái   | Quảng Thị Thủy     | Bản Noong Vai               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 373 | Hoàng Thanh Huyền  |      | 2015 | 6A3 | Kinh   | Dương Thị Kim Loan | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 374 | Lò Khánh Huyền     |      | 2015 | 6A3 | Thái   | Cà Thị Thu         | Bản Noong Vai               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 375 | Cà Bảo Khanh       | 2015 |      | 6A3 | Thái   | Lường Thị Thủy     | Bản Noong Vai               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 376 | Lò Minh Khôi       | 2015 |      | 6A3 | Thái   | Lò Văn An          | Bản Nà Ngum                 | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 377 | Đỗ Trung Kiên      | 2015 |      | 6A3 | Kinh   | Phạm Thu Trang     | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 378 | Voòng Tuấn Kiệt    | 2015 |      | 6A3 | Hoa    | Voòng Xín Xiu      | Bản Tiến Thanh              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 379 | Giàng A Long       | 2015 |      | 6A3 | H'Mông | Lù Thị Định        | Bản Tiến Thanh              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 380 | Nguyễn Tuệ Mẫn     |      | 2015 | 6A3 | Kinh   | Nguyễn Trọng Thuận | Bản Tiến Thanh              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 381 | Nguyễn Trọng Minh  | 2015 |      | 6A3 | Kinh   | Nguyễn Trọng Tuấn  | Bản Tiến Thanh              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 382 | Nguyễn Đỗ Trà My   |      | 2015 | 6A3 | Kinh   | Đỗ Thị Hà          | Thôn Việt Yên               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 383 | Hoàng Bá Nghĩa     | 2015 |      | 6A3 | Kinh   | Lò Thị Vinh        | Bản Tiến Thanh              | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 384 | Lê Thảo Nguyên     |      | 2015 | 6A3 | Thái   | Lò Thị Định        | Bản Noong Vai               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 385 | Lê Minh Nhân       | 2015 |      | 6A3 | Kinh   | Phạm Thị Châm      | Bản Pa Bói                  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 386 | Cà Thị Uyên Nhi    |      | 2015 | 6A3 | Thái   | Cà Văn Soán        | Bản Noong Vai               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |
| 387 | Lò Thị Hà Nhi      |      | 2015 | 6A3 | Thái   | Lường Thị Nhung    | Bản Noong Vai               | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000 |  |

|             |                       |      |      |     |      |                   |                 |                |         |   |                    |  |
|-------------|-----------------------|------|------|-----|------|-------------------|-----------------|----------------|---------|---|--------------------|--|
| 388         | Lù Ngọc Quân          | 2015 |      | 6A3 | Thái | Lò Thị Hồng       | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 389         | Lò Thị Như Quỳnh      |      | 2015 | 6A3 | Thái | Lò Văn Ích        | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 390         | Nguyễn Như Quỳnh      |      | 2015 | 6A3 | Kinh | Trần Thị Tuyết    | Thôn Việt Yên   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 391         | Lò Văn Tám            | 2015 |      | 6A3 | Thái | Lò Văn Thương     | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 392         | Lò Anh Thư            |      | 2015 | 6A3 | Thái | Lò Văn Lợi        | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 393         | Lò Trung Tinh         | 2015 |      | 6A3 | Thái | Lò Văn Nguyên     | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 394         | Cà Thị Huyền Trang    |      | 2015 | 6A3 | Thái | Lò Thị Tiên       | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 395         | Lù Anh Tú             | 2015 |      | 6A3 | Thái | Lù Văn Sinh       | Bản Noong Vai   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 396         | Lường Anh Tuấn        | 2015 |      | 6A3 | Thái | Lường Văn Thuận   | Bản Pa Bôi      | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 397         | Đinh Minh Tuấn        | 2015 |      | 6A3 | Kinh | Đinh Tiến Thành   | Thôn Việt Yên   | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 398         | Nguyễn Đình Ngọc Tuấn | 2015 |      | 6A3 | Kinh | Nguyễn Đình Vương | Thôn Yên Trường | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 399         | Trần Minh Tuệ         | 2015 |      | 6A3 | Kinh | Bùi Thị Tuyết     | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| 400         | Lò Bạc Phương Vy      |      | 2015 | 6A3 | Thái | Lò Văn Phòng      | Bản Tiến Thanh  | Xã Khu vực III | 150.000 | 4 | 600.000            |  |
| <b>TỔNG</b> |                       |      |      |     |      |                   |                 |                |         |   | <b>240.000.000</b> |  |